TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 497/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Công Đ**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: A22/9A9 tổ A ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: A22/9A9 tổ A ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông **Nguyễn Công Đ (nguyên đơn) trình bày như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: tôi và bà N có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 2010 do Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. HCM cấp Ny 20/3/2010. Vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề tiền bạc trong cuộc sống, không còn tình cảm với nhau. Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Công P, sinh năm 2011. Hiện nay con đang ở chung với tôi và ông bà nội.

Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Công P, sinh năm 2011. Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà **Bùi Thị N (bị đơn) trình bày như sau:**

Bà N không đồng ý ly hôn, vợ chồng sống chung với nhau từ năm 2010 đến nay, không có mâu thuẫn gì với nhau, bà N chỉ qua mặt ông Đ về tiền bạc, vì chuyện đó mà gia đình bên ông Đ bắt ông Đ phải ly hôn với bà N, bà N không muốn con phải sống xa cha hoặc xa mẹ. Về tài sản chung vợ chồng không có gì, để vợ chồng tự giải quyết, nợ chung không có.

Vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc.

Vợ chồng ly thân từ 14/4/2017.

Nếu ly hôn thì bà N đồng ý để ông Đ nuôi con, bà N không cấp dưỡng. Bà N yêu cầu đoàn tụ, bà N sẽ về hòa giải, hàn gắn với ông Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Công Đ (nguyên đơn) khởi kiện xin ly hôn với Bà Bùi Thị N (bị đơn), đây là tranh chấp về ly hôn. Bà Bùi Thị N (bị đơn) cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Nguyễn Công Đ (nguyên đơn), Bà Bùi Thị N (bị đơn) có đơn xin vắng tại tòa. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông Nguyễn Công Đ (nguyên đơn), Bà Bùi Thị N (bị đơn).

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công Đ và Bà Bùi Thị N có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 2010 do Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. HCM cấp Ny 20/3/2010. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang với Ông Nguyễn Văn Đức là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Ông Nguyễn Công Đ và Bà Bùi Thị N cùng xác định: Vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc. Ngoài ra, ông Đ trình bày không còn tình cảm, bà N trình bày vợ chồng đã sống ly thân từ 14/4/2017.

[5] Tòa án không tiến hành hòa giải được, do ông Đ đề nghị không tiến hành hòa giải.

[6] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định: *"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".*

[7] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Công Đ về việc yêu cầu ly hôn với Bà Bùi Thị N.

[8] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Công P, sinh năm 2011. Hiện nay con đang ở chung với ông Đức và ông bà nội.

Ông Đức yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Công P, sinh năm 2011. Nếu ly hôn thì bà N đồng ý để ông Đ nuôi con.

Xét quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Công Đ về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Công P, sinh năm 2011 đến trưởng thành, ghi nhận việc ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[9] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Công Đ và Bà Bùi Thị N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Về nợ chung: Ông Nguyễn Công Đ và Bà Bùi Thị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Công Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Ông Nguyễn Công Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0033263 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Nguyễn Công Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Công Đ về việc yêu cầu ly hôn với Bà Bùi Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công Đ được ly hôn với Bà Bùi Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 2010 do Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. HCM cấp Ny 20/3/2010 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Công P, sinh năm 2011.

Giao con có 01 con chung tên Nguyễn Công P, sinh năm 2011 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, ghi nhận việc ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Công Đ và Bà Bùi Thị N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

1.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Công Đ và Bà Bùi Thị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Công Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Ông Nguyễn Công Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0033263 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Nguyễn Công Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Thanh Loan